



## Về đích 2023

To the Finish Line of Higg FEM 2023 **TFL Higg FEM 2023** & Deep Dive is an activity organized by GIZ and its partnered brands, fostering **Collaborative Action & Learning for Taking Action** on environmental performance improvement in textile supply chain.



Implemented by



Chi Phan  
Senior Project Officer, **Initiative for Global Solidarity**  
E: [chi.phanthi@giz.de](mailto:chi.phanthi@giz.de)

Tài liệu do

Leadership & Sustainability

phát triển cho chương trình TFL Higg FEM 2023

Chịu trách nhiệm nội dung

*Vũ Long Biên*

Phụ trách kỹ thuật chương trình

Tài liệu tham chiếu:

[How to Higg FEM 2023, August 2023](#)

## Nội dung

### Phần 1. Thống kê, Baseline, So sánh cải thiện

- Thống kê khối lượng chất thải
- Baseline và so sánh cải thiện về khối lượng chất thải phát sinh
- Thống kê phương pháp xử lý chất thải
- Baseline và so sánh cải thiện phương pháp xử lý chất thải

### Phần 2. Hệ thống quản lý chất thải

- Kho chất thải
- Quy trình quản lý chất thải
- Đào tạo chất thải
- Mục tiêu và kế hoạch hành động
- Xác nhận phương pháp xử lý cuối cùng của chất thải

# ➤➤➤ Tổng quan Waste section

## Level 1:

1. Lựa chọn chất thải Không nguy hại
2. Tracking bất cứ chất thải không nguy hại nào
3. Tracking từng dòng chất thải không nguy hại
4. Lựa chọn Chất thải nguy hại
5. Tracking bất cứ nguồn chất thải nguy hại
6. Tracking mỗi loại chất thải nguy hại
7. Phân loại và lưu trữ riêng Chất thải không nguy hại và nguy hại
8. Kho chất thải nguy hại
9. Kho chất thải không nguy hại
10. Cấm các hành động xử lý chất thải một cách vô trách nhiệm
11. Đào tạo nhân viên về phân loại chất thải
12. Đào tạo nhân viên về xử lý chất thải nguy hại

## Level 2:

15. Baseline cho chất thải Không nguy hại
16. Baseline cho chất thải nguy hại
17. Lựa chọn phương pháp xử lý chất thải
18. Baseline cho phương pháp
19. Mục tiêu giảm chất thải không nguy hại
20. Mục tiêu giảm chất thải nguy hại
21. Mục tiêu cải thiện phương pháp xử lý chất thải
22. Chọn phương thức quản lý chất thải
23. Kế hoạch chuyển đổi phương pháp xử lý chất thải
24. Cải thiện khối lượng chất thải không nguy hại
25. Cải thiện khối lượng chất thải nguy hại
26. Cải thiện phương pháp xử lý chất thải
27. Đánh giá nhà thầu xử lý chất thải nguy hại

Thống kê và phân loại: 8 câu

Baseline: 3 câu

So sánh cải thiện 3 câu

Kho rác: 3 câu

Đào tạo 2 câu

Mục tiêu và Kế hoạch hành động: 5

Đánh giá nhà thầu: 2 câu

Circular economy: 1 câu

## Level 3:

28. Đánh giá nhà thầu xử lý chất thải không nguy hại
29. Xác định chất thải thông qua phương pháp xử lý ưu tiên
30. Đưa rác vào hệ thống kinh tế tuần hoàn

# Thống kê, Baseline, So sánh cải thiện

## Level 1:

1. Lựa chọn chất thải Không nguy hại
2. Tracking bất cứ chất thải không nguy hại nào
3. Tracking từng dòng chất thải không nguy hại
4. Lựa chọn Chất thải nguy hại
5. Tracking bất cứ nguồn chất thải nguy hại
6. Tracking mỗi loại chất thải nguy hại
7. Phân loại và lưu trữ riêng Chất thải không nguy hại và nguy hại
8. Kho chất thải nguy hại
9. Kho chất thải không nguy hại
10. Cấm các hành động xử lý chất thải một cách vô trách nhiệm
11. Đào tạo nhân viên về phân loại chất thải
12. Đào tạo nhân viên về xử lý chất thải nguy hại

## Level 2:

15. Baseline cho chất thải Không nguy hại
16. Baseline cho chất thải nguy hại
17. Lựa chọn phương pháp xử lý chất thải
18. Baseline cho phương pháp
19. Mục tiêu giảm chất thải không nguy hại
20. Mục tiêu giảm chất thải nguy hại
21. Mục tiêu cải thiện phương pháp xử lý chất thải
22. Chọn phương thức quản lý chất thải
23. Kế hoạch chuyển đổi phương pháp xử lý chất thải
24. Cải thiện khối lượng chất thải không nguy hại
25. Cải thiện khối lượng chất thải nguy hại
26. Cải thiện phương pháp xử lý chất thải
27. Đánh giá nhà thầu xử lý chất thải nguy hại

## Level 3:

28. Đánh giá nhà thầu xử lý chất thải không nguy hại
29. Xác định chất thải thông qua phương pháp xử lý ưu tiên
30. Đưa rác vào hệ thống kinh tế tuần hoàn

# ▶▶▶ Thống kê chất thải nguy hại và không nguy hại

Non-hazardous waste/ <b>Chất thải không nguy hại</b>	Hazardous waste/ <b>Chất thải nguy hại</b>
<ol style="list-style-type: none"><li>1. Textile Waste</li><li>2. Leather Waste</li><li>3. Rubber Waste</li><li>4. Metal (broken needles, metal swarf, etc.)</li><li>5. Plastic</li><li>6. Paper</li><li>7. Cans</li><li>8. Wood</li><li>9. Food Waste</li><li>10. Glass</li><li>11. Cartons</li><li>12. Foams (EVA, etc.)</li><li>13. Pre-Water treatment sludge (Non-Hazardous)</li><li>14. General or unspecified waste</li><li>15. Slag (Non-Hazardous)</li><li>16. Other</li></ol>	<ol style="list-style-type: none"><li>1. Empty chemical drums and containers (without proper cleaning)</li><li>2. Film and Printing Frame</li><li>3. Pre-water treatment sludge (Hazardous)</li><li>4. Expired/unused/used chemicals (waste oil, solvents, reactants, etc.)</li><li>5. Compressed gas cylinders (refrigerants, etc.)</li><li>6. Contaminated materials</li><li>7. Batteries</li><li>8. Fluorescent light bulb</li><li>9. Ink cartridges</li><li>10. Waste oil and grease (from cooking)</li><li>11. Waste oil and grease (from production, maintenance, etc. - not cooking)</li><li>12. Metal sludge</li><li>13. Empty containers (cleaning, sanitizing, pesticides, etc.)</li><li>14. Electronic Waste</li><li>15. Coal combustion residuals (fly ash and Bottom ash/coal slag)</li><li>16. Slag (Hazardous)</li><li>17. Other</li></ol>

# Baseline khối lượng chất thải

Item	Unit	Month/2022												Sum
		Jan	Feb	Mar	Apr	May	Jun	Jul	Aug	Sep	Oct	Nov	Dec	
Textile Waste	kg	362	326	354	368	315	423	412	394	388	412	413	423	<b>4590</b>
Leather Waste	kg	256	215	345	125	145	362	148	225	245	156	325	156	<b>2703</b>
Rubber Waste	kg	145	146	178	189	253	254	468	269	325	125	148	251	<b>2751</b>
Metal	kg	38	54	53	32	29	28	54	48	68	39	32	41	<b>516</b>
Plastic	kg	60	57	62	53	59	62	63	58	61	57	64	52	<b>708</b>
Paper	kg	253	213	232	243	239	238	241	230	225	223	230	231	<b>2798</b>
Cans	kg	36	49	38	30	29	36	53	52	68	39	31	30	<b>491</b>
Food	kg	45	76	36	25	24	23	55	54	34	23	34	24	<b>453</b>
Glass	kg	12	36	0	0	13	25	0	0	0	32	12	20	<b>150</b>
Cartons	kg	62	63	61	52	53	67	52	60	59	68	62	59	<b>718</b>
Other	kg	8	3	5	7	8	8	8	6	3	6	7	8	<b>77</b>
Pre-water treatment sludge (Non-Hazardous)	kg	700	684	598	814	752	634	684	713	635	647	725	741	<b>8327</b>
Foams (EVA, etc.)	kg	6	50	55	45	26	35	47	40	43	46	48	52	<b>493</b>
Slag (Non-Hazardous)	kg	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	<b>0</b>
General or unspecified waste	kg	536	498	489	532	563	524	582	612	632	592	562	625	<b>6747</b>

$$\text{Baseline rác loại A} = \frac{\text{Tổng khối lượng rác thải loại A}}{\text{Tổng sản phẩm}}$$

$$\text{Baseline} = \frac{\text{Tổng Food or Domestic waste}}{\text{Người lao động}}$$

# So sánh cải thiện giảm khối lượng chất thải

STT	Item/Hạng mục	2022			2023			Quantity change	Percent Change (%)	Conclusion
		Total volume	Production	Baseline 2022	Total volume	Production	Baseline 2023			
1	Textile Waste	4590	21039367	0.000218	4004.00	21084563	0.00019	-0.0000283	-12.95%	Improved
2	Leather Waste	2703		0.000128	2603.00		0.00012	-0.0000050	-3.91%	Improved
3	Rubber Waste	2751		0.000131	2408.00		0.00011	-0.0000165	-12.66%	Improved
4	Metal	516		0.000025	463.00		0.00002	-0.0000026	-10.46%	Improved
5	Plastic	708		0.000034	660.00		0.00003	-0.0000023	-6.98%	Improved
6	Paper	2798		0.000133	2796.00		0.00013	-0.0000004	-0.29%	Improved
7	Cans	491		0.000023	463.00		0.00002	-0.0000014	-5.90%	Improved
8	Food	453		0.000778	464.00		0.00077	-0.0000100	-1.28%	Improved
9	Glass	150		0.000007	493.00		0.00002	0.0000163	227.96%	Not Improved
10	Cartons	718		0.000034	494.00		0.00002	-0.0000107	-31.35%	Improved
11	Other	77		0.000004	72.00		0.00000	-0.0000002	-6.69%	Improved
12	Pre-water treatment sludge (Non-Hazardous)	8327		0.000396	6136.00		0.00029	-0.0001048	-26.47%	Improved
13	Foams (EVA, etc.)	493		0.000023	312.00		0.00001	-0.0000086	-36.85%	Improved
14	Slag (Non-Hazardous)	0		0.000000	0.00		0.00000	0.0000000		
15	General or unspecified waste	6747		0.011590	6680.00		0.01106	-0.0005308	-4.58%	Improved

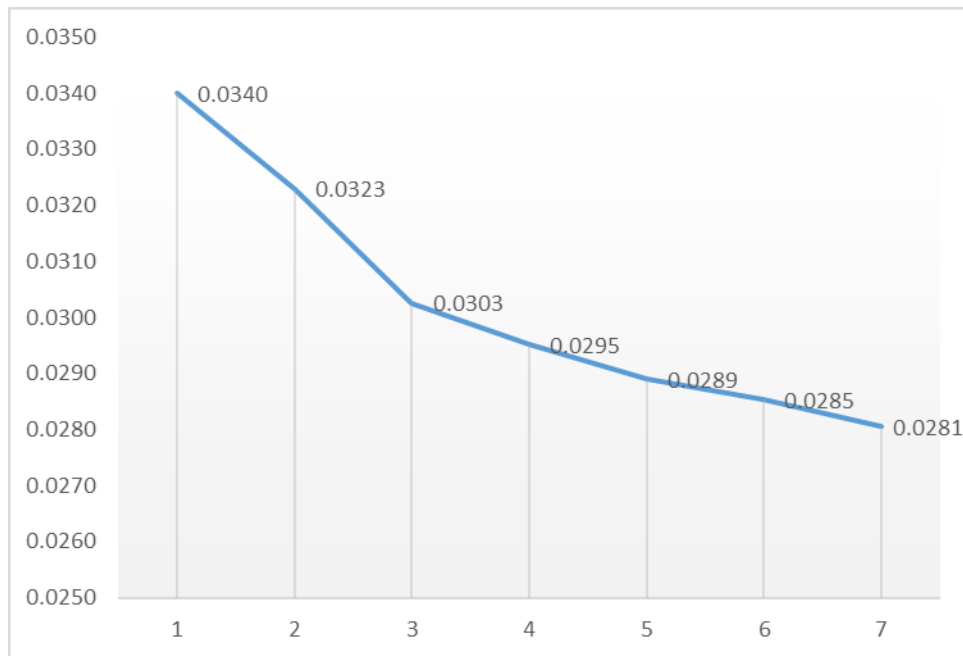
Cải thiện = Baseline 2023 – Baseline 2022

Tỉ lệ % =  $\frac{\text{Khối lượng cải thiện}}{\text{Baseline 2022}}$

# So sánh cải thiện giảm khối lượng chất thải

1. So sánh giữa năm Báo cáo và năm Baseline
2. So sánh giữa năm Báo cáo và năm liền kề

		Baseline	So với Baseline	So năm liền kề
Năm Baseline	2021	0.0340		
Năm liền kề	2022	0.0323		
Năm báo cáo	2023	0.0303	-11.00%	-6.32%
	2024	0.0295	-13.20%	-2.47%
	2025	0.0289	-15.00%	-2.07%
	2026	0.0285	-16.10%	-1.29%
	2027	0.0281	-17.50%	-1.67%

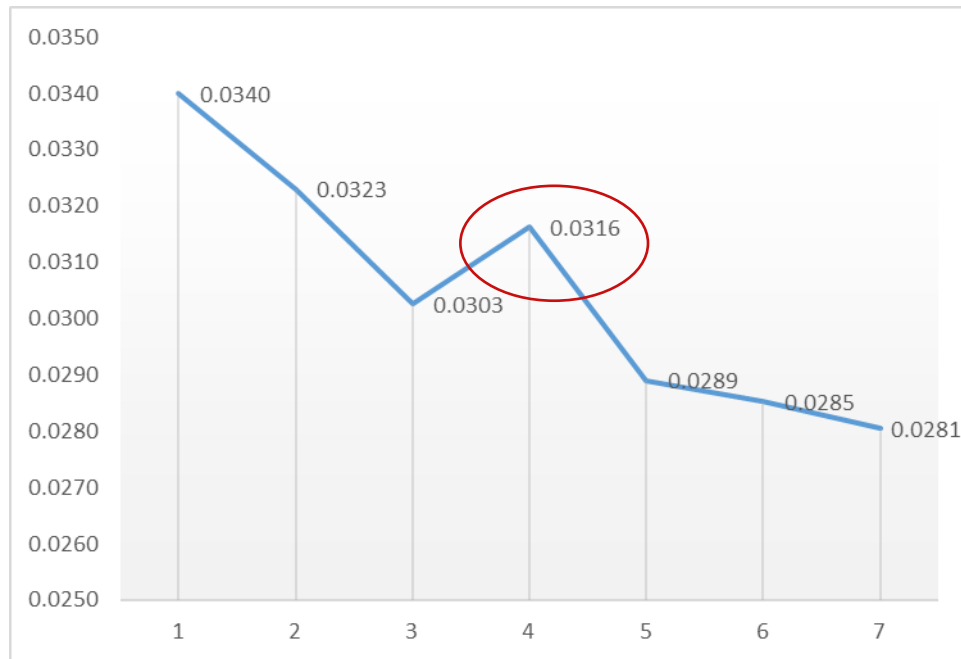




# So sánh cải thiện giảm khối lượng chất thải

1. So sánh giữa năm Báo cáo và năm Baseline
2. So sánh giữa năm Báo cáo và năm liền kề

		Baseline	So với Baseline	So năm liền kề
Năm Baseline	2021	0.0340		
Năm liền kề	2022	0.0323		
Năm báo cáo	2023	0.0303	-11.00%	-6.32%
	2024	0.0316	-7.00%	4.49%
	2025	0.0289	-15.00%	-8.60%
	2026	0.0285	-16.10%	-1.29%
	2027	0.0281	-17.50%	-1.67%



# Thực hành phần khối lượng

Item	Unit	Month/2023												Sum	
		Jan	Feb	Mar	Apr	May	Jun	Jul	Aug	Sep	Oct	Nov	Dec		
Non-hazardous waste	Textile Waste	kg	352	364	358	326	315	289	345	264	369	321	345	356	4004
	Leather Waste	kg	252	210	340	115	135	352	144	220	222	145	323	145	2603
	Rubber Waste	kg	135	126	158	168	253	250	435	253	120	140	135	235	2408
	Metal	kg	34	54	34	23	34	23	55	45	76	36	25	24	463
	Plastic	kg	55	55	55	55	55	55	55	55	55	55	55	55	660
	Paper	kg	233	233	233	233	233	233	233	233	233	233	233	233	2,796
	Cans	kg	34	54	34	23	34	23	55	45	76	36	25	24	463
	Food	kg	35	54	34	23	34	23	55	45	76	36	25	24	464
	Glass	kg	34	54	34	23	34	23	55	45	76	36	55	24	493
	Cartons	kg	65	54	34	23	34	23	55	45	76	36	25	24	494
	Other	kg	6	5	6	3	6	7	8	3	5	7	8	8	72
	Pre-water treatment sludge (Non-Hazardous)	kg	453	458	523	512	485	463	537	586	482	592	573	472	6,136
	Foams (EVA, etc.)	kg	15	23	35	26	23	28	31	15	18	35	26	37	312
	Slag (Non-Hazardous)	kg	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
General or unspecified waste	kg	533	496	583	573	534	594	555	601	584	543	563	521	6,680	

Hướng dẫn trực tiếp trên File Excel

## **Baseline khối lượng chất thải**

---

**Baseline bản chất là gì?**

**Baseline phục vụ gì cho phát triển bền vững?**

**Nếu công ty đang phát triển, tăng đều sản lượng hàng năm thì kết quả so sánh sẽ không bao giờ đạt cải thiện giảm theo Higg FEM ?**

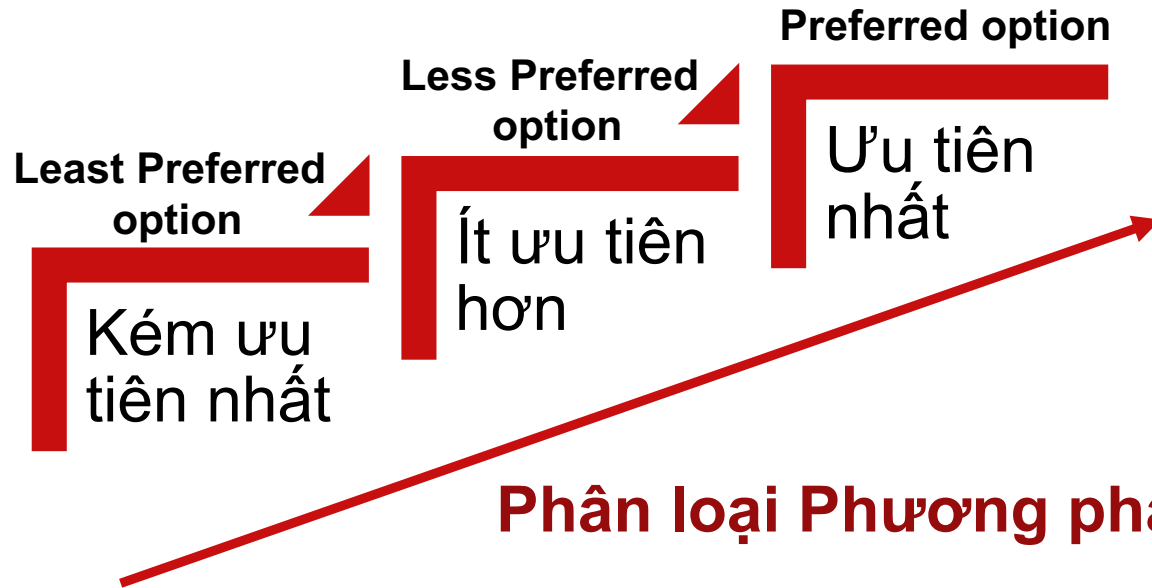
## Baseline khối lượng chất thải

---

**Absolute:** số lượng tuyệt đối, được ghi nhận từ thống kê số liệu

**Normalized:** số liệu được chuẩn hóa bởi các yếu tố liên quan

# Phân loại và thống kê phương pháp xử lý chất thải



# Phân loại và thống kê phương pháp xử lý chất thải

## Tùy chọn ưu tiên nhất

Tái sử dụng	Chất thải trước hoặc sau tiêu dùng được tái sử dụng để tạo ra sản phẩm mới hoặc sản phẩm cũ mà không cần sửa đổi hoặc bổ sung các bước sản xuất trước khi sử dụng chất thải
Tái chế (bao gồm Upcycle)	Chất thải trước hoặc sau tiêu dùng được tái xử lý để tạo ra các mặt hàng mới có chất lượng tương đương (hoặc tốt hơn) (ví dụ: tái chế vải dệt hoặc chế biến chai nhựa thành vải)
Downcycle	Chất thải trước hoặc sau khi tiêu dùng được tái chế và xử lý để sản xuất vật liệu hoặc sản phẩm có giá trị kinh tế thấp hơn (ví dụ: hàng dệt tái chế được sử dụng làm giẻ lau, đệm lót thảm hoặc các sản phẩm cách âm)



RECYCLING



UPCYCLING



DOWNCYCLING

## RECYCLING vs UPCYCLING



# Phân loại và thống kê phương pháp xử lý chất thải

Tùy chọn ít được ưu tiên hơn	
Thiêu đốt thu hồi năng lượng cho các chất thải không thể tái chế	Thu hồi năng lượng từ quá trình đốt rác thải không thể tái chế. Ghi chú: Cơ sở hạ tầng và khả năng tái chế có thể khác nhau giữa các khu vực và quốc gia.
Thu hồi năng lượng - Quản lý thặng dư (ví dụ: xử lý Vật lý / Hóa học / Sinh học)	Phục hồi năng lượng như một hình thức quản lý dư lượng, tức là. Xử lý bùn dẫn đến tạo khí sinh học, sinh nhiệt từ xử lý sinh học (ủ phân), tạo năng lượng từ bất kỳ hoạt động nào không bao gồm "Đốt"
Đốt trong nhà máy không thu hồi năng lượng cho các chất thải không thể tái chế	Đốt rác thải không thể tái chế tại chỗ tại cơ sở không thu hồi được năng lượng từ quá trình đốt
Thiêu đốt ngoại vi không thu hồi năng lượng cho các chất thải không thể tái chế	Đốt chất thải không thể tái chế bên ngoài cơ sở của bên thứ ba không thu hồi năng lượng từ quá trình đốt.
Xử lý không định giá - Xử lý khác	Bất kỳ phương pháp xử lý nào không thu hồi các vật liệu hoặc thuộc tính có thể sử dụng được của chất thải, chẳng hạn như chuyển đổi chúng thành các sản phẩm hữu ích hơn như nguyên liệu thô, nhiên liệu hoặc các nguồn năng lượng khác
Xử lý không định giá - Bãi chôn lấp được quản lý có trách nhiệm (đối với chất thải không thể được quản lý trong bất kỳ tùy chọn nào trong Tùy chọn ưa thích hoặc Tùy chọn ít ưu tiên hơn)	Các bãi chôn lấp có các biện pháp kiểm soát quan trọng là các bãi chôn lấp kiểm soát cả nước rỉ rác và khí sinh ra từ các vật liệu được đặt trong bãi chôn lấp và được thiết kế để lưu trữ chất thải theo cách an toàn với môi trường xung quanh. Vì mục đích của Hướng dẫn WW, các biện pháp kiểm soát quan trọng được xác định là: ...

# Phân loại và thống kê phương pháp xử lý chất thải

Tùy chọn kém ưu tiên nhất	
Thu hồi năng lượng (ví dụ, Đốt thu hồi năng lượng cho chất thải có thể tái chế)	Thu hồi năng lượng từ quá trình đốt rác thải có thể tái chế. Ghi chú: Thu hồi vật liệu (tái chế) là phương pháp được ưu tiên đối với chất thải có thể tái chế. Ghi chú:Cơ sở hạ tầng và khả năng tái chế có thể khác nhau giữa các khu vực và quốc gia.
Bãi chôn lấp/đổ rác không có biện pháp kiểm soát	Bãi chôn lấp các chất thải trực tiếp xuống lòng đất
Thiêu đốt trong nhà máy với không thu hồi năng lượng với chất thải có thể tái chế	Đốt rác thải không thể tái chế tại chỗ tại cơ sở không thu hồi được năng lượng từ quá trình đốt
Thiêu đốt ngoại vi không thu hồi năng lượng cho các chất thải có thể tái chế	Đốt chất thải có thể tái chế bên ngoài cơ sở tại một cơ sở của bên thứ ba không thu hồi năng lượng từ quá trình đốt.
Khác	Bất kỳ phương pháp xử lý chất thải nào khác không phù hợp với mô tả của các phương pháp đã nêu ở trên. Ghi chú: Cần cung cấp mô tả chi tiết về các phương pháp khác.



# Phân loại và thống kê phương pháp xử lý chất thải

**Khối lượng rác xử lý theo Phương pháp A**  
**= Tổng khối các loại chất thải được xử lý theo phương A**

No	Item	DISPOSAL METHOD														
		Preferred Options			Less Preferred Options							Least Preferred Options				
		Recycle (including Upcycle)	Reuse	Downcycle	Energy recovery (Incineration with energy recovery for Non-Recyclables only)	Energy recovery (Residual Management (e.g., Physical / Chemical / Biological Treatment))	Non-valORIZED disposal - Onsite incineration without energy recovery for Non-Recyclables	Non-valORIZED disposal - Offsite incineration without energy recovery for Non-Recyclables	Non-valORIZED disposal - Other Treatment	Non-valORIZED disposal - Responsibly Managed Landfills	Energy Recovery (e.g., Incineration with energy recovery for Recyclables)	Landfill/Dumping with No Control Measures	Onsite Incineration without energy recovery for Recyclables	Offsite incineration without energy recovery for Recyclables	Other	
1	Quantity (kg)	14036	494		1,253						496	13,309			7,264	
2	2023	Total waste volume (kg)	40,311													
3		Normalized 2023	34.82%	1.23%	0.00%	3.11%		0.00%	0.00%	0.00%	0.00%	1.23%	33.02%	0.00%	0.00%	18.02%

**Tổng khối lượng chất thải xử lý theo 14 phương pháp xử lý**  
**= Tổng khối lượng chất thải của năm (bao gồm nguy hại và không nguy hại)**

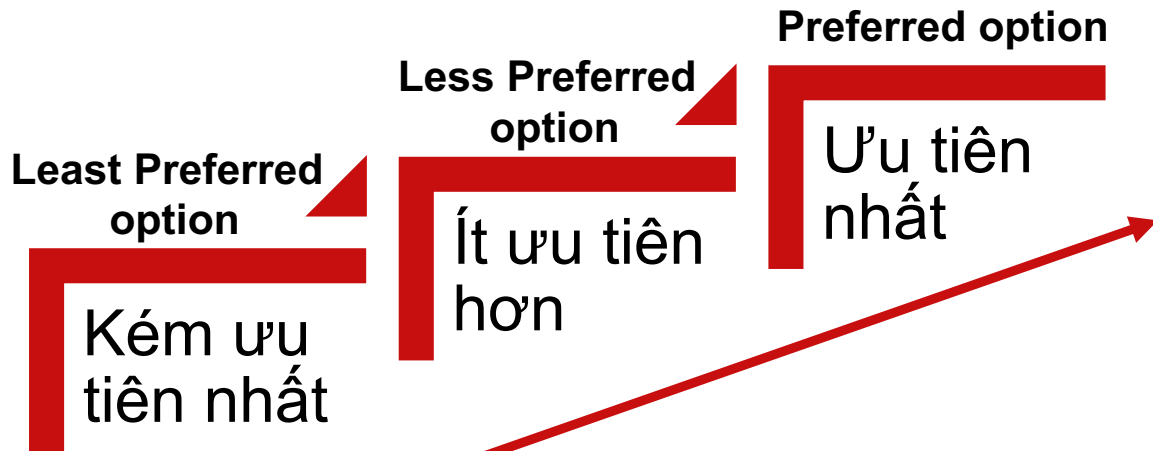
# Baseline phương pháp xử lý chất thải

No	Item	DISPOSAL METHOD														
		Preferred Options			Less Preferred Options							Least Preferred Options				
		Recycle (including Upcycle)	Reuse	Downcycle	Energy recovery (Incineration with energy recovery for Non-Recyclables only)	Energy recovery (Residual Management (e.g., Physical / Chemical / Biological Treatment))	Non-valorized disposal - Onsite incineration without energy recovery for Non-Recyclables	Non-valorized disposal - Offsite incineration without energy recovery for Non-Recyclables	Non-valorized disposal - Other Treatment	Non-valorized disposal - Responsibly Managed Landfills	Energy Recovery (e.g., Incineration with energy recovery for Recyclables)	Landfill/Dumping with No Control Measures	Onsite Incineration without energy recovery for Recyclables	Offsite incineration without energy recovery for Recyclables	Other	
1	2023	Quantity (kg)	14036	494		1,253						496	13,309			7,264
2		Total waste volume (kg)	40,311													
3		Normalized 2023	34.82%	1.23%	0.00%	3.11%		0.00%	0.00%	0.00%	0.00%	1.23%	33.02%	0.00%	0.00%	18.02%

$$\text{Baseline phương pháp xử lý A} = \frac{\text{Khối lượng chất thải xử lý theo phương pháp A}}{\text{Tổng khối lượng chất thải năm (bao gồm Nguy hại và không nguy hại)}}$$

**Tổng Baseline 14 phương pháp xử lý = 100%**

# So sánh cải thiện phương pháp xử lý chất thải



**Noted: nếu có bất kỳ phương pháp nào xếp loại “Kém ưu tiên nhất” mà tăng trong năm báo cáo → Toàn bộ câu hỏi không đạt điểm**

# POLL

# ▶▶▶ Hệ thống quản lý chất thải

## Level 1:

1. Lựa chọn chất thải Không nguy hại
2. Tracking bất cứ chất thải không nguy hại nào
3. Tracking từng dòng chất thải không nguy hại
4. Lựa chọn Chất thải nguy hại
5. Tracking bất cứ nguồn chất thải nguy hại
6. Tracking mỗi loại chất thải nguy hại
7. Phân loại và lưu trữ riêng Chất thải không nguy hại và nguy hại
8. Kho chất thải nguy hại
9. Kho chất thải không nguy hại
10. Cấm các hành động xử lý chất thải một cách vô trách nhiệm
11. Đào tạo nhân viên về phân loại chất thải
12. Đào tạo nhân viên về xử lý chất thải nguy hại

## Level 2:

15. Baseline cho chất thải Không nguy hại
16. Baseline cho chất thải nguy hại
17. Lựa chọn phương pháp xử lý chất thải
18. Baseline cho phương pháp
19. Mục tiêu giảm chất thải không nguy hại
20. Mục tiêu giảm chất thải nguy hại
21. Mục tiêu cải thiện phương pháp xử lý chất thải
22. Chọn phương thức quản lý chất thải
23. Kế hoạch chuyển đổi phương pháp xử lý chất thải
24. Cải thiện khối lượng chất thải không nguy hại
25. Cải thiện khối lượng chất thải nguy hại
26. Cải thiện phương pháp xử lý chất thải
27. Đánh giá nhà thầu xử lý chất thải nguy hại

Kho rác: 3 câu

Đào tạo 2 câu

Mục tiêu và Kế hoạch hành động: 5

Đánh giá nhà thầu: 2 câu

## Level 3:

28. Đánh giá nhà thầu xử lý chất thải không nguy hại
29. Xác định chất thải thông qua phương pháp xử lý ưu tiên
30. Đưa rác vào hệ thống kinh tế tuần hoàn

# »»» Kho chất thải

## 9. Does your facility both segregate waste (hazardous and non-hazardous) and store these wastes separately?

*Cơ sở của bạn có phân loại chất thải (nguy hại và không nguy hại) và lưu trữ riêng những chất thải này không?*

Quy định luật tương ứng:

### **Điểm 4 điều 81 Luật bảo vệ môi trường 2020**

4. Chất thải rắn công nghiệp thông thường phải được lưu giữ riêng theo loại đã được phân loại; không để lẫn chất thải nguy hại với chất thải rắn công nghiệp thông thường; không làm phát tán bụi, rò rỉ nước thải ra môi trường; lưu giữ bằng các thiết bị, dụng cụ, khu vực lưu giữ phù hợp theo quy định của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

### **Điểm 2b điều 83 Luật bảo vệ môi trường 2020**

2. Việc lưu giữ chất thải nguy hại phải đáp ứng các yêu cầu sau đây:

- a) Phải được lưu giữ riêng theo loại đã được phân loại;
- b) Không để lẫn chất thải nguy hại với chất thải thông thường;

# Kho chất thải

## 10. Does your facility have well-marked, designated hazardous waste storage area and proper containers for all hazardous waste?

*Cơ sở của bạn có khu vực lưu trữ chất thải nguy hại được chỉ định rõ ràng và có thùng chứa phù hợp cho tất cả chất thải nguy hại không?*

Quy định luật tương ứng:

Điều 83 Luật bảo vệ môi trường 2020

### **Mục 4. QUẢN LÝ CHẤT THẢI NGUY HẠI**

#### **Điều 83. Khai báo, phân loại, thu gom, lưu giữ, vận chuyển chất thải nguy hại**

1. Chủ nguồn thải chất thải nguy hại có trách nhiệm sau đây:

a) Khai báo khối lượng, loại chất thải nguy hại trong hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường

Điều 35 Thông tư 02/2022/TT-BTNMT

### **Mục 4. QUẢN LÝ CHẤT THẢI NGUY HẠI**

#### **Điều 35. Khai báo, phân loại, thu gom, lưu giữ chất thải nguy hại đối với chủ nguồn thải chất thải nguy hại và mẫu chứng từ chất thải nguy hại**

1. Chủ nguồn thải chất thải nguy hại thực hiện khai báo khối lượng, loại chất thải nguy hại phát sinh (nếu có) trong hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường theo quy định tại Điều 28 Nghị định số

# Kho chất thải

## 11. Does your facility have well-marked, designated non-hazardous waste storage area(s) and containers ?

*Cơ sở của bạn có (các) khu vực và thùng chứa chất thải không nguy hại được đánh dấu rõ ràng, được chỉ định không ?*

Quy định luật tương ứng:

Điều 81 Luật bảo vệ môi trường 2020

### **Mục 3. QUẢN LÝ CHẤT THẢI RẮN CÔNG NGHIỆP THÔNG THƯỜNG**

#### **Điều 81. Phân loại, lưu giữ, vận chuyển chất thải rắn công nghiệp thông thường**

1. Chất thải rắn công nghiệp thông thường được phân loại thành các nhóm sau đây:

a) Nhóm chất thải rắn công nghiệp thông thường được tái sử dụng, tái chế làm nguyên liệu sản

Điều 33, Thông tư 02/2022/TT-BTNMT

### **Mục 3. QUẢN LÝ CHẤT THẢI RẮN CÔNG NGHIỆP THÔNG THƯỜNG**

#### **Điều 33. Yêu cầu kỹ thuật về bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường**

1. Thiết bị, dụng cụ lưu chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường phải đáp ứng các yêu cầu sau:

a) Bảo đảm lưu giữ an toàn, không bị hư hỏng, rách vỡ vỡ;



## Đào tạo chất thải

**13. Does your facility provide awareness training to employees regarding segregation of waste?**

*Cơ sở của bạn có đào tạo nâng cao nhận thức cho nhân viên về việc phân loại chất thải không?*

**14. Does your facility provide training to all employees whose work involves hazardous waste handling (such as maintenance and custodial staff) within the facility?**

*Cơ sở của bạn có cung cấp đào tạo cho tất cả nhân viên có công việc liên quan đến xử lý chất thải nguy hại (chẳng hạn như nhân viên bảo trì và trông coi) trong cơ sở không?*

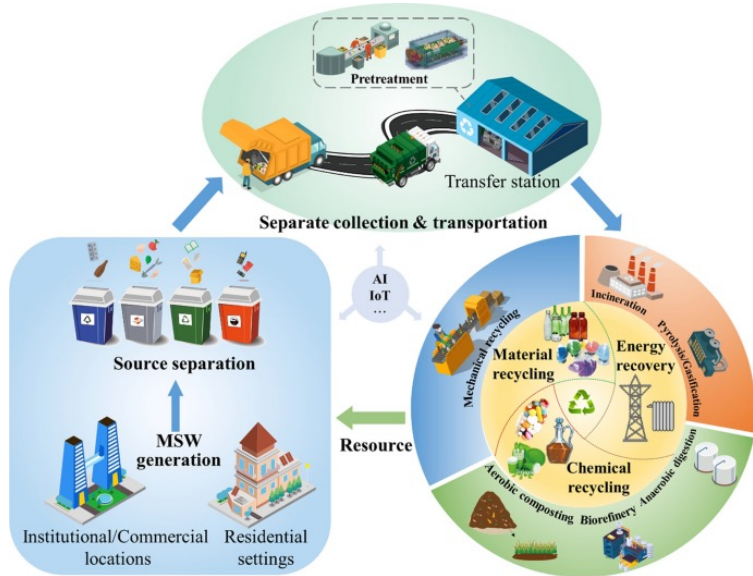
**Hazardous waste  
(Chất thải nguy hại)**



**Non-Hazardous waste  
(Chất thải không nguy hại)**

## Tại sao đối tượng đào tạo lại khác nhau?

# Đào tạo chất thải



## Phân loại chất thải tại nguồn

# Target, Implementation plan

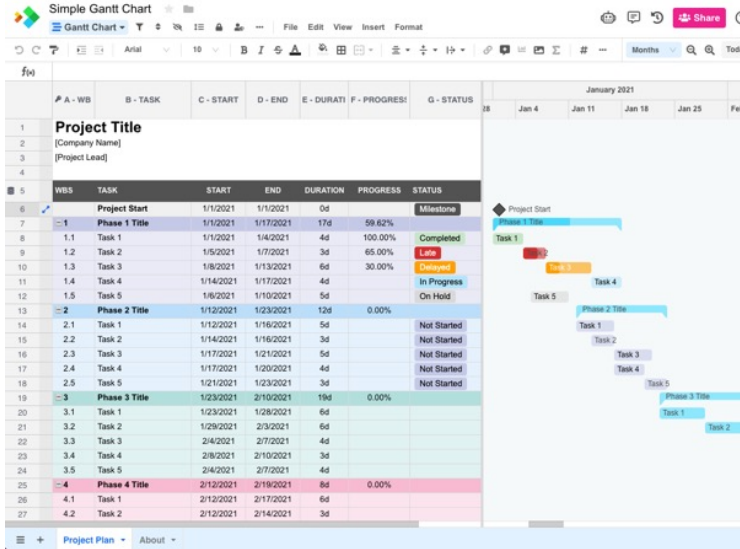


## Target:

1. Giảm khối lượng chất thải phát sinh
2. Chuyển đổi phương pháp xử lý cấp độ ưu tiên cao hơn

# Target, Implementation plan

## Implementation plan



1. Hạng mục cụ thể
2. Khả thi
3. Có người phụ trách và thời gian hoàn thành

# Đánh giá nhà thầu chất thải

## 27. Does your facility validate the final disposal and treatment of all hazardous wastes?

*Cơ sở của bạn có xác nhận việc tiêu hủy và xử lý cuối cùng tất cả các chất thải nguy hại không?*

## 28. Does your facility validate the final disposal and treatment of all non-hazardous wastes?

*Cơ sở của bạn có xác nhận việc tiêu hủy và xử lý cuối cùng đối với tất cả chất thải không nguy hại không?*

### VALIDATION REPORT OF WASTE TREATMENT VENDOR

Company Name/ Tên nhà thầu		No. ID/ Số đăng ký	
Auditor 1 Người thực hiện 1:		Assessment recipients/ Người được đánh giá	
Auditor 2 Người thực hiện 2:		Assessment date/ Ngày đánh giá	

Details/ Chi tiết	Yes	No	Actions detail - 5 Hành động chi ti
<b>1. Waste Contractor document system (Every item must have a document showing)/ Hệ thống tài liệu của nhà thầu (các hạng mục bắt buộc phải có sẵn để kiểm tra)</b>			
Have a valid business license? Có giấy phép kinh doanh hợp lệ không?			
Have a license to possess dangerous goods for transportation? Có giấy phép vận chuyển chất nguy hại không?			
Waste accounting and treatment methods accepted and can be displayed? Phương pháp xử lý CTNH có được chấp nhận và còn hiệu lực không?			
Maintaining local govt. laws & regulations? Tuân thủ luật và quy định tại địa phương không?			
Have an Environmental Impact Assessment Report (EIA)? Có báo cáo đánh giá tác động môi trường không?			
There is qualified environmental personnel in the processing area? Có nhân viên môi trường đủ trình độ/kỹ năng phụ trách không?			
There is a supervisor of the industrial waste pollution control system? Có tổ chức các khóa đào tạo cho nhân viên về xử lý rác thải không?			

**Hazardous waste  
(Chất thải nguy hại)**



# Đánh giá nhà thầu chất thải

**Non-Hazardous waste  
(Chất thải không nguy hại)**



## **Điều 82. Xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường**

1. Cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp, cơ quan, tổ chức có phát sinh chất thải rắn công nghiệp thông thường phải tái sử dụng, tái chế, thu hồi năng lượng và xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường hoặc chuyển giao cho các đối tượng sau đây:

- a) Cơ sở sản xuất sử dụng trực tiếp làm nguyên liệu sản xuất, sản xuất vật liệu xây dựng hoặc san lấp mặt bằng được phép hoạt động theo quy định của pháp luật;
- b) Cơ sở sản xuất có chức năng đồng xử lý chất thải phù hợp;
- c) Cơ sở xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường có chức năng phù hợp;
- d) Cơ sở vận chuyển chất thải rắn công nghiệp thông thường đã có hợp đồng chuyển giao với đối tượng quy định tại các điểm a, b hoặc c khoản này.

2. Cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường phải đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường theo quy định của Luật này.

3. Chủ cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường có trách nhiệm sau đây:

- a) Bảo đảm các hệ thống, phương tiện, thiết bị, lưu giữ, xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường bao gồm sơ chế, tái sử dụng, tái chế, đồng xử lý, xử lý và thu hồi năng lượng chất thải rắn công nghiệp thông thường đáp ứng yêu cầu kỹ thuật, quy trình quản lý theo quy định;
- b) Trường hợp có phát sinh chất thải nguy hại từ cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường thì phải thực hiện trách nhiệm của chủ nguồn thải chất thải nguy hại theo quy định;

# POLL

# BREAK

Back soon ....

BY **10:15 PM**





# HỎI ĐÁP VỚI GUEST SPEAKER



Using Q&A  
in Zoom